

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 12/01/2022
Về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Khoa

2. Ông Lê Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Nữ Lệ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1981; địa chỉ: tổ 5, khu phố K, phường K, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Quang S, sinh năm: 1978; địa chỉ: tổ 5, khu phố K, phường K, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: bà và ông Đỗ Quang S chung sống từ năm 1999, đến ngày 07/10/2005 bà và ông S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường K, thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa), tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Trong suốt quá trình chung sống, vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát lẫn nhau. Nguyên nhân là do ông S thường la mắng, đánh đập vợ con, và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Năm 2010, ông

S bán nhà trả nợ và chuyển đi sống cùng với người phụ nữ khác. Bà D và các con chuyển về sống cùng với bố mẹ của bà D. Sau đó ông S quay lại xin bà D tha thứ để vợ chồng hàn gắn, bà D đồng ý và vợ chồng bà quay về sống chung với nhau được khoảng 03 năm thì lại tiếp tục mâu thuẫn do ông S ngoại tình và chơi cờ bạc. Bà D lại tiếp tục bỏ về nhà cha mẹ sinh sống khoảng 01 năm thì ông S năn nỉ bà quay về, bà D đồng ý về sống chung với ông S để nuôi dạy con cái. Đến tháng 12/2020, ông S lại tiếp tục có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ tháng 3/2021 cho đến nay, bà D và ông S sống ly thân, bà D thuê nhà trọ sống riêng. Nay bà D nhận thấy không còn tình cảm gì với ông S nữa nên xin được ly hôn.

Về con chung: bà D và ông S có hai con chung là Đỗ Thực H, sinh ngày 05/6/2000 và Đỗ Thực Q, sinh ngày 23/5/2004. Cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Bà D đồng ý giao cháu Q cho ông S nuôi dưỡng, bà D cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về ý kiến của bị đơn ông Đỗ Quang S:* Trong quá trình tố tụng ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2022, ông S thống nhất với bà D về thời gian kết hôn. Theo ông, trong quá trình chung sống, vợ chồng ông bà không có mâu thuẫn gì quá lớn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay bà D yêu cầu ly hôn với ông S thì ông S không đồng ý và đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: ông S và bà D có hai con chung là Đỗ Thực H, sinh ngày 05/6/2000 và Đỗ Thực Q, sinh ngày 23/5/2004. Cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Ông S đồng ý nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về ý kiến cháu Đỗ Thực Q:* cháu Q có nguyện vọng được sống cùng với ba.

- *Về ý kiến của người làm chứng là chị Đỗ Thực H:* chị H xác định trong quá trình chung sống, ông S bà D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thỉnh thoảng ông S có chửi bới, đánh đập bà D. Nguyên nhân là do ông S nóng tính, nhiều khi không kiểm soát được bản thân. Cuộc sống vợ chồng của ông S bà D không hạnh phúc. Hiện nay bà D đã thuê nhà trọ sống riêng. Ông S có nhà cửa ổn định, chăm lo tốt cho các con nên việc giao cháu Quyền cho ông S nuôi dưỡng là phù hợp.

Tại phiên tòa hôm nay, bà D giữ nguyên ý kiến đã trình bày, ông S vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và

Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử còn chậm, chưa đúng quy định pháp luật, tuy nhiên do tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp và thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh, đây là nguyên nhân khách quan. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Nguyễn Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà D và ông S tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Sự mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông S là có thật, vợ chồng không có sự đồng cảm, không còn tôn trọng nhau, bất đồng quan điểm, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[4] Về con chung: bà D và ông S có hai con chung là Đỗ Thực H, sinh ngày 05/6/2000 và Đỗ Thực Q, sinh ngày 23/5/2004. Cháu H đã trưởng thành nên nên tòa không xem xét giải quyết. Xét thấy ông S có nhà ở ổn định, có điều kiện chăm sóc tốt cho cháu Q và hiện nay cháu Q vẫn đang sống cùng ông S nên giao cháu Q cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, bà D cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng cho đến khi trưởng thành.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: bà D và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Đỗ Quang S.

- Về con chung: có 02 con chung là Đỗ Thực H, sinh ngày 05/6/2000 và Đỗ Thực Q, sinh ngày 23/5/2004. Cháu H đã trưởng thành nên nên tòa không xem xét giải quyết. Giao cháu Q cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, bà D cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng cho đến khi trưởng thành.

Kể từ ngày ông S có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bà D phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0003336 ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/01/2022), các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với

đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- THA thành phố Bà Rịa;
- Các đương sự;
- UBND phường Kim Dinh,
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Công

Trần Đình Khoa

Ngô Thị Thu Hà

